

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:44 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 20- 11 - 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nhâm Đình Mạnh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998.

ĐKHKT: Tổ 17, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 016, phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1995

ĐKHKT: Tổ 17, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được

một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân được 01 năm nay chị N thì sống tại Số nhà 016, phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai còn anh T sống tại Tổ 17, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Tuy mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, tổ dân phố hòa giải xong đến nay cuộc sống vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn N Trâm A, sinh ngày 08/11/2018. Khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trâm A đến đủ 18 tuổi và yêu cầu anh T cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày: Về ngày, tháng, năm, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như những gì chị N trình bày là đúng. Hai vợ chồng đã không sống ly thân được 01 năm, anh T thấy vẫn còn tình cảm với chị N không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quan điểm của anh T nếu chị N cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn N Trâm A, sinh ngày 08/11/2018 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn N Trâm A đến đủ 18 tuổi và hàng tháng anh T có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Anh T đồng ý với yêu cầu của chị N

Về tài sản: Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức T đều có đơn xin xét vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 – Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã tiến hành hòa giải theo

đúng quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân được 01 năm nay chị N thì sống tại Số nhà 016, phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai còn anh T sống tại Tổ 17, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Tuy mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, tổ dân phố hòa giải xong đến nay cuộc sống vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn N Trâm A, sinh ngày 08/11/2018. Khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trâm A đến đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị N có công việc ổn định và có thu nhập, hiện nay chị làm nhân viên giám sát nhà hàng tại Sa Pa, thu nhập trung bình hàng tháng là 8 triệu đồng. Ngoài ra, quan điểm của anh T trong T hợp ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn N Trâm A, sinh ngày 08/11/2018 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trâm A đến đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn N Trâm A cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu và hàng tháng anh Nguyễn Đức T có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của anh T khi ly hôn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao cháu Nguyễn N Trâm A, sinh ngày 08/11/2018 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn N Trâm A đến đủ 18 tuổi và hàng tháng anh T có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật

[4]Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 ; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn N Trâm Anh, sinh ngày 08/11/2018 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức T có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Đức T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ T hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006358 ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, bị đơn anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND (2);
- UBND phường Bắc Cường,
Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu HS - Tập án.

Nguyễn Thị Kim Dung